

Bản án số: **397/2022/HS-PT**

Ngày: 20-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 315/2022/TLPT-HS ngày 27 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Trần Đình T về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2022/HS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2215/2022/QĐXXPT-HS ngày 30 tháng 8 năm 2022.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Trần Đình T**; Sinh năm: 1958; tại: tỉnh Nghệ A; Nơi cư trú: tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Nguyên là Giám đốc ngân hàng A chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk (đã nghỉ hưu); Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Trần Đình T và con bà Đào Thị H (đều đã chết); Bị cáo có vợ là Lê Thị H và có 02 con, sinh năm 1986 và 1994; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/8/2020 đến ngày 23/9/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Lê Xuân Anh P, Công ty luật TNHH MTV T; Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

*** Nguyên đơn dân sự:** Ngân hàng A. Địa chỉ: 02 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố H Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo uỷ quyền:

1. Ông Nguyễn Văn D, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A, Chi nhánh H (theo Quyết định uỷ quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019). Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Ông Đỗ Danh L, chức vụ: Trưởng phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ Ngân hàng A, Chi nhánh Đắk Lắk (theo Giấy uỷ quyền số 1756/NHNo.ĐL-PC ngày 17/6/2022). Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Bùi Thị Thái B. Trú tại: tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985. Trú tại: phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

3. Ông Huỳnh Hoàng K, sinh năm 1985. Trú tại: Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

4. Ông Lê Nhật Q, sinh năm 1987. Trú tại: tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

5. Ông Trịnh Đình T, sinh năm 1974 và Đình Thị L, sinh năm 1978. Trú tại: tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt

6. Ông Lại Q P. Trú tại: tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

7. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1953. Trú tại: tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

8. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960 và ông Trần Anh P. Trú tại: Thôn 2, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bà Đôi có mặt

9. Ông Nguyễn Minh H và bà Lê Thị Y. Trú tại: Thôn 2, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

10. Bà Trần Thị Việt Đ, sinh năm 1970. Trú tại: Thôn 1, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông H, bà Y, bà Đ: Ông Trần Viết M, sinh năm 1957; địa chỉ: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

11. Ông Trương Văn N, sinh năm 1991. Trú tại: Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ). Vắng mặt.

12. Ông Nguyễn Q H. Trú tại: Thôn 8, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng A - Chi nhánh H (sau đây viết tắt là A H) là chi nhánh trực thuộc Ngân hàng A - Chi nhánh Đắk Lắk. Về cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành tại A H giai đoạn từ năm 2010-2015 bao gồm: Trần Đình T là Giám đốc từ ngày 01/10/2008 đến ngày 11/5/2015; Bùi Thị Như A là Trưởng phòng Kế hoạch và kinh doanh từ 01/6/2009 đến 01/3/2011, Phó Giám đốc từ ngày 01/3/2011 đến ngày 11/5/2015; Nguyễn Trường S là cán bộ tín dụng từ ngày 01/4/2009 đến ngày 01/7/2010, Phó phòng Kế hoạch và kinh doanh từ ngày 01/7/2010 đến 01/3/2011, Trưởng phòng Kế hoạch và kinh doanh từ ngày 01/3/2011 đến ngày 11/5/2015; Nguyễn Văn T là Nhân viên tín dụng từ ngày 28/9/2009 đến ngày 03/10/2011, Phó phòng Kế hoạch và kinh doanh từ ngày 03/10/2011 đến ngày 11/5/2015.

Qua công tác thanh tra, Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk phát hiện một số cán bộ thuộc A H đã thực hiện không đúng chức trách, nhiệm vụ được giao trong việc thẩm định, xét duyệt cho vay, quản lý giám sát khoản vay, vi phạm các quy định của Ngân hàng nhà nước, quy định của pháp luật có liên quan nên đã có Công văn số 15/NHNN-TTGS.m ngày 06/11/2015 và Công văn số 11/ĐAL-TTGSNH.m ngày 02/8/2018 chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk để xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra vụ án xác định, trong thời gian từ năm 2010 đến 2015, các cán bộ của A H gồm: Trần Đình T, Bùi Thị Như A, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn T đã vi phạm các quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; vi phạm quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thực hiện quy trình tiếp nhận hồ sơ; thẩm định, xét duyệt cho vay; phê duyệt, quyết định cho vay; kiểm tra, giám sát vốn vay và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi bổ sung Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, trong việc lập **71 Hợp đồng** tín dụng cho **36 khách hàng** không có đủ điều kiện vay vốn, cố ý nâng khống giá trị tài sản đảm bảo để cho vay theo nhu cầu của khách hàng. Hậu quả của các khoản vay trên là khách hàng không có khả năng trả nợ, ngân hàng không thu hồi nợ được do không có tài sản bảo đảm, không có căn cứ để xử lý tài sản bảo đảm hoặc xử lý tài sản bảo đảm nhưng không đủ để thu hồi nợ, gây thiệt hại cho ngân hàng tổng số tiền gốc là **18.927.196.884** đồng tiền nợ gốc. Cụ thể:

1. Khách hàng Bùi Thị N D, sinh năm 1966, trú tại Tp. B

Ngày 06/8/2013, A H lập hợp đồng tín dụng số 5221LAV201301069, cho khách hàng Bùi Thị N D vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AO772888 do UBND Tp. B cấp, hồ sơ do Nguyễn Trường S lập và ký mục lãnh đạo Phòng tín dụng, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay, sau khi giải ngân thì A đã yêu cầu Nguyễn Văn T ký bổ sung mục cán bộ tín dụng. Sau khi cho vay, bà D mất khả năng thanh toán nên bà D và A H đã thỏa thuận thống nhất bán tài sản thế chấp để xử lý nợ. Sau khi bán tài sản thế chấp A H thu được số tiền nợ gốc là 1.059.300.000 đồng. Sau khi bị khởi tố, bị cáo T và T đã nộp khắc phục hậu quả tổng số tiền 487.000.000 đồng nên A H đã thu nợ gốc thêm 150.000.000 đồng cho khoản vay của khách hàng Bùi Thị N D. Tính đến nay khoản vay còn dư nợ số tiền là 100.000 đồng

chưa thu hồi được và không còn tài sản bảo đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 817 ngày 25/10/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627.

Ngoài ra, A H không thẩm định giá tài sản trên thực tế, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AO772888, địa chỉ tại phường T, Tp. B có diện tích là 47,27m² nhưng lại được A H xác định là 200m² và định giá tài sản là 2.000.000.000 đồng để phù hợp với khoản vay 1.500.000.000 đồng của khách hàng là nâng khống giá trị tài sản bảo đảm để cho vay.

Như vậy, các cán bộ A H gồm Nguyễn Trường S và Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện cấp tín dụng; cố ý nâng khống giá trị tài sản bảo đảm để cấp tín dụng. Gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **100.000 đồng**.

2. Khách hàng Phan T L, sinh năm 1969, trú tại Tp. B

Ngày 09/3/2012, A H lập hợp đồng tín dụng số 5211-LAV-HĐTD cho khách hàng Phan T L vay số tiền 950.000.000 đồng, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BA 372550, địa chỉ tại phường T, Tp. B. Hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập, ký báo cáo thẩm định và ký mục lãnh đạo Phòng tín dụng, Bùi Thị Như A ký phê duyệt cho vay. Sau khi giải ngân, S đưa hồ sơ cho Nguyễn Văn H ký bổ sung mục cán bộ tín dụng. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ nên đã thỏa thuận để A H bán đấu giá quyền sử dụng đất trên thu được số tiền 858.000.000 đồng, sau khi trừ chi phí đấu giá, A H thu được số tiền 835.000.000 đồng, còn lại chưa thu nợ được số tiền 115.000.000 đồng và không còn tài sản bảo đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 568 ngày 17/7/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627.

Ngoài ra A H không tiến hành thẩm định giá tài sản trên thực tế nhưng vẫn lập biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm là 1.400.000.000 đồng để phù hợp với nhu cầu vay của khách hàng là cố ý nâng khống giá trị tài sản bảo đảm để cho vay.

Như vậy, các cán bộ A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện cấp tín dụng; cố ý nâng khống giá trị tài sản bảo đảm để cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **115.000.000 đồng**.

3. Khách hàng Bùi Thị Thái B, trú tại thôn 6, xã Hòa S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Ngày 06/8/2013, A H lập hợp đồng tín dụng số 5221LAV201301071, cho bà B vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất số W807666 địa chỉ tại xã Hòa S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Hồ sơ do Nguyễn Trường S lập, ký báo cáo thẩm định, Trần Đình T ký phê duyệt cho vay, khoản vay được giải ngân số tiền 1.240.000.000 đồng. Sau khi vay, đến thời hạn trả nợ nhưng khách hàng không có

khả năng trả nợ, đến nay A H vẫn chưa thu hồi được số tiền nợ gốc là 1.240.000.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 1053 ngày 23/12/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số W807666 địa chỉ tại xã Hòa S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk diện tích 20.270m² trong đó có 100m² đất ở nông thôn nhưng A H không thẩm định trực tiếp mà lập biên bản định giá xác định là đất ở đô thị và định giá tài sản là 2.000.000.000 đồng để phù hợp với khoản vay. Tại kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐ ngày 17/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện K xác định tài sản là đất và tài sản gắn liền trên đất được UBND huyện K cấp quyền sử dụng đất số W807666 có giá trị tại thời điểm tháng 8/2013 là 481.392.674 đồng; giá trị vào thời điểm tháng 9/2020 là 855.282.284 đồng, giá trị tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ.

Như vậy, các cán bộ A H gồm Nguyễn Trường S, Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện cấp tín dụng; cố ý nâng khống giá trị tài sản bảo đảm để cấp tín dụng, gây hậu quả sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm còn thiệt hại số tiền gốc là **384.717.716 đồng** = (1.240.000.000 đồng – 855.282.284 đồng).

4. Khách hàng Đặng Thị Mỹ N, trú tại thôn 6, xã Hòa S, K, tỉnh Đắk Lắk

Ngày 06/8/2013, A H và khách hàng Đặng Thị Mỹ N ký hợp đồng tín dụng số 5221LAV2013 01070, cho bà N vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là 02 quyền sử dụng đất số BA660248 và BA660271 do UBND huyện K cấp. Hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt cho vay. Sau khi cho vay, khách hàng không trả được nợ, đến nay khoản vay còn dư nợ 1.500.000.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 1053 ngày 23/12/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627.

Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất số BA660248 gồm 730m² đất ở nông thôn, 400m² đất nông nghiệp tại xã Hòa S, huyện K và quyền sử dụng đất số BA660271 gồm 300m² đất ao, hồ. Tuy nhiên, A H không trực tiếp thẩm định giá trên thực tế nhưng lập biên bản định giá xác định loại đất là đất ở đô thị và định giá 2.000.000.000 đồng để phù hợp với khoản vay của khách hàng là nâng khống giá trị tài sản bảo đảm để cho vay, dẫn đến giá trị tài sản bảo đảm thực tế không đủ để thu hồi nợ.

Tại kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐ ngày 17/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện K xác định giá trị quyền sử dụng đất số BA660248 tại thời điểm tháng 9/2020 có giá trị là 179.800.000 đồng và quyền sử dụng đất số BA660271 tại thời điểm tháng 9/2020 có giá trị là 6.600.000 đồng.

Như vậy, các cán bộ A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, cố ý nâng khống

giá trị tài sản bảo đảm để cấp tín dụng, gây hậu quả sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm còn thiệt hại số tiền gốc là **1.313.600.000 đồng** = (1.500.000.000 đồng – 179.800.000 đồng - 6.600.000 đồng).

5. Khách hàng Nguyễn T T, sinh năm 1958, trú tại Tp. B

Ngày 09/3/2012, A H và khách hàng Nguyễn T T ký Hợp đồng tín dụng (không số), cho ông T vay số tiền 950.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BA 372549 do UBND Tp. B cấp. Hồ sơ do Nguyễn Trường S lập, ký báo cáo thẩm định và ký mục lãnh đạo Phòng tín dụng, Bùi Thị Như A ký phê duyệt cho vay. Sau khi giải ngân, S đưa hồ sơ tín dụng cho Nguyễn Văn H ký bổ sung vào mục cán bộ tín dụng. Các cán bộ của A H mặc dù không tiến hành thẩm định giá trên thực tế nhưng lại lập báo cáo thẩm định ngày 09/3/2012 nâng giá trị tài sản bảo đảm từ 1.400.000.000 đồng lên 1.500.000.000 đồng nhằm phù hợp với nhu cầu vay của khách hàng. Sau khi vay, khách hàng không trả được nợ nên đã thỏa thuận để A H bán đấu giá quyền sử dụng đất số BA372549 được số tiền 807.000.000 đồng, sau khi trừ chi phí đấu giá còn thu nợ được số tiền 785.000.000 đồng, còn dư nợ gốc số tiền 165.000.000 đồng chưa thu hồi được và không còn tài sản bảo đảm để xử lý.

Tại Kết luận giám định số 568 ngày 17/7/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ A H gồm Nguyễn Trường S và Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, cố ý nâng không giá trị tài sản bảo đảm để cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **165.000.000 đồng**.

6. Khách hàng Nguyễn Thị Thanh T, trú tại Tổ dân phố 2, phường T Lợi, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

A H lập 02 hợp đồng tín dụng với khách hàng Nguyễn Thị Thanh T, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 602/2012/HĐTC lập ngày 09/3/2012, cho bà T vay số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là 01 xe máy đào chuyên dùng biển kiểm soát 47XA – 0809 và 01 quyền sử dụng đất số BC 944798 được UBND huyện C cấp cho bà Huỳnh Thị Mỹ N, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt cho vay. Đến ngày 01/6/2012, quyền sử dụng đất số BC 944798 nêu trên lại được đem thế chấp cho khoản vay khác của bà Huỳnh Thị Mỹ N theo Hợp đồng thế chấp số 507/TC, ngày 01/6/2012. Đến ngày 23/5/2013, bà T đã trả cho A H số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng nhưng sau đó không có khả năng trả nợ nên đến nay khoản vay còn dư nợ số tiền 700.000.000 đồng và còn 01 tài sản bảo đảm là xe máy đào chuyên dùng biển kiểm soát 47XA – 0809. Tại Kết luận định giá tài sản số 1730/KL-HĐĐG, ngày 13/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận giá trị chiếc xe máy đào bánh xích 47XA - 0809 có giá tại thời điểm tháng 6/2017 là 180.000.000 đồng. Vì vậy tài sản bảo đảm không đủ để xử lý thu hồi nợ. Tại Kết luận giám định số 568 ngày 17/7/2017 của Ngân

hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm còn thiệt hại số tiền gốc là **520.000.000 đồng** = (700.000.000 đồng – 180.000.000 đồng).

Hợp đồng tín dụng số LAV2014/HĐTD lập ngày 24/5/2013, A H tiếp tục cho bà T vay số tiền 500.000.000 đồng, có bảo đảm bằng tài sản nhưng hợp đồng tín dụng không nêu rõ cụ thể là thế chấp tài sản là gì. Tại báo cáo thẩm định, tái thẩm định ngày 24/5/2013 thể hiện tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và xe ô tô nhưng không có thông tin chi tiết của tài sản thế chấp, không có tài liệu chứng minh khả năng tài chính, mục đích sử dụng vốn vay. Hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ, đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 500.000.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 568 ngày 17/7/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **500.000.000 đồng**.

7. Khách hàng Đinh Bùi T H, trú tại Thôn 8, xã H, TP B

Ngày 12/12/2012, A H lập hợp đồng tín dụng số 5221LAV 201201987 cho khách hàng Đinh Bùi T H vay số tiền 200.000.000 đồng, khoản vay tín chấp không có tài sản bảo đảm. Hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập, ký báo cáo thẩm định và ký mục lãnh đạo Phòng tín dụng, Bùi Thị Như A ký phê duyệt cho vay. Sau khi vay, khách hàng đã trả được số tiền 190.000.000 đồng. Tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 10.000.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ A H gồm Nguyễn Trường S và Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **10.000.000 đồng**.

8. Khách hàng Bùi Q T, trú tại số 84/21 Giải phóng, phường T, TP B

A H lập 06 hợp đồng tín dụng với khách hàng Bùi Q T, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201001901 ngày 19/10/2010 cho vay số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm, hồ sơ

tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký lãnh đạo phòng tín dụng, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201001959 ngày 02/11/2010 cho vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay không có tài sản bảo đảm, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký lãnh đạo phòng tín dụng, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201101085 ngày 11/5/2011, cho vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Nguyễn Văn T ký lãnh đạo phòng tín dụng, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201101316 ngày 08/7/2011 cho vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201101605 ngày 30/9/2011 cho vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Nguyễn Văn T ký lãnh đạo phòng tín dụng, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201200355 ngày 10/02/2012 cho vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm, hồ sơ tín dụng do Bùi Thị Như A lập và ký phê duyệt, quyết định cho vay.

Các khoản vay có tài sản bảo đảm đều được thế chấp bằng 02 quyền sử dụng đất số BĐ 575168 và BĐ 575169 do UBND huyện K cấp ngày 25/02/2011.

Sau khi vay, ông T đã trả được một phần nợ gốc tại các hợp đồng tín dụng cho A H nhưng sau đó mất khả năng trả nợ. Vì vậy, ông T đã thỏa thuận để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Ngày 19/4/2019, A H đã bán đấu giá tài sản bảo đảm được 431.650.000 đồng, sau khi trừ đi chi phí đấu giá còn thu được 415.546.000 đồng. Tính đến nay, A H đã thu hồi được số tiền **787,783,000 đồng**, còn dư nợ gốc chưa thu được là **512,217,000 đồng**, không còn tài sản bảo đảm để xử lý. Trong đó, Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201001901 ngày 19/10/2010 đã thu được 280.000.000 đồng, còn dư nợ 70.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201001959 ngày 02/11/2010 đã thu được 15.000.000 đồng, còn dư nợ 185.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201101085 ngày 11/5/2011 đã thu được 149.500.000 đồng, còn dư nợ 500.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201101316 ngày 08/7/2011 đã thu được 199.500.000 đồng, còn chưa thu được 500.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201101605 ngày 30/9/2011 đã thu được 99.500.000 đồng, còn chưa thu được 500.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201200355 ngày 10/02/2012 đã thu được 44.283.000 đồng còn dư nợ 255.717.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay

vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ A H đã có hành vi vi phạm quy định về điều kiện cấp tín dụng, trong đó:

Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A, Trần Đình T gây hậu quả thiệt hại tại Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201001901 ngày 19/10/2010 số tiền gốc **70.000.000 đồng**.

Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A và Trần Đình T gây hậu quả thiệt hại tại Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201001959 ngày 02/11/2010 số tiền gốc là **185.000.000 đồng**.

Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn T và Bùi Thị Như A gây hậu quả thiệt hại tại Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201101085 ngày 11/5/2011 số tiền gốc là **500.000 đồng**.

Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A gây hậu quả thiệt hại tại Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201101316 ngày 08/7/2011 số tiền gốc là **500.000 đồng**.

Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn T và Bùi Thị Như A gây hậu quả thiệt hại tại Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201101605 ngày 30/9/2011 số tiền **500.000 đồng**.

Bùi Thị Như A gây hậu quả thiệt hại tại Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201200355 ngày 10/02/2012 số tiền gốc là **255.717.000 đồng**.

9. Khách hàng Huỳnh Hoàng K, trú tại Tổ dân phố 2, phường T Lợi, Tp. B

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201300772 ngày 24/5/2013 cho vay số tiền **500.000.000 đồng**, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là 01 quyền sử dụng đất số W822695 và 02 Giấy đăng ký xe ô tô số 011221 và 003575, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Nguyễn Văn T ký lãnh đạo phòng tín dụng và Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ. Tuy nhiên, do tài sản bảo đảm đã được xử lý để thu hồi nợ tại hợp đồng tín dụng số 5221LAV201101888 ngày 25/11/2011, nên không còn tài sản bảo đảm để xử lý. Tính đến nay, khoản vay còn dư nợ số tiền 500.000.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn T và Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **500.000.000 đồng**.

10. Khách hàng Lê Nhật Q, trú tại Tổ dân phố 2, phường T Lợi, Tp. B

A H lập 02 hợp đồng tín dụng với khách hàng Lê Nhật Q, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201200601 ngày 09/3/2012, cho vay số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số P004606 do UBND huyện B cấp ngày 28/12/2003, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, A H đã thu nợ của khách hàng số tiền 500.000.000 đồng, sau đó khách hàng mất khả năng trả nợ. Đến nay, khoản vay còn dư nợ số tiền 700.000.000 đồng, không xử lý được tài sản bảo đảm do quyền sử dụng đất số P004606 đã được Công ty T điện B thu hồi để phục vụ dự án Công trình thủy điện S 3. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **700.000.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201300770 ngày 24/5/2013 (theo dõi trên hệ thống IPCas), cho vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số V829463, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng, tính đến nay, A H chưa thu hồi được nợ, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 500.000.000 đồng. Trên hệ thống IPCas thể hiện khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số V829463. Tuy nhiên, hồ sơ tín dụng không có tài liệu về tài sản bảo đảm này. Vì vậy, a H không có căn cứ để xử lý tài sản bảo đảm. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, và Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **500.000.000 đồng**.

11. Khách hàng Phạm Thị H, trú tại phường T. Tp B. Có 02 Hợp đồng

A H lập 02 hợp đồng tín dụng với khách hàng Phạm Thị H, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201100565 ngày 04/3/2011, cho vay số tiền **50.000.000 đồng**, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay tín chấp không có tài sản bảo đảm, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng đã trả nợ cho ngân hàng số tiền gốc là 20.000.000 đồng, sau đó khách hàng mất khả năng trả nợ. Tính đến nay, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 30.000.000 đồng, khoản vay là hình thức vay tín chấp nên không có tài sản bảo đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho

vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S và Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **30.000.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201201755 ngày 26/10/2012, cho vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là 01 quyền sử dụng đất số BK 009483 do UBND huyện B cấp ngày 12/7/2012, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản bảo đảm để ngân hàng xử lý nợ. Ngày 08/4/2019, A H đã bán đấu giá tài sản được số tiền 310.700.000 đồng, sau khi trừ chi phí đấu giá còn thu được số tiền 274.758.000 đồng. Tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 225.242.000 đồng chưa thu hồi được và không còn tài sản bảo đảm để thu hồi. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S và Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **225.242.000 đồng**.

12. Khách hàng Nguyễn Trọng H, trú tại phường Tự A, Tp. B

Ngày 10/02/2012, A H lập hợp đồng tín dụng số 5221LAV201200353 cho khách hàng Nguyễn Trọng H vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay tín chấp không có tài sản bảo đảm. Hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền là 100.000.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm các quy định về điều kiện vay vốn tại Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S và Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **100.000.000 đồng**.

13. Khách hàng Trịnh Đình T, trú tại phường Tự A, Tp. B

A H lập 02 hợp đồng tín dụng với khách hàng Trịnh Đình T, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201000478 ngày 09/02/2010, cho vay số tiền 840.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là 01 quyền sử dụng đất số 4001070755 do UBND Tp. B cấp ngày 31/12/2003, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký lãnh đạo phòng tín dụng, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho

vay, khách hàng đã trả được một phần nợ gốc số tiền 440.000.000 đồng cho A H. Tính đến nay, khoản vay còn dư nợ số tiền 400.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay được A H ghi nhận trong hồ sơ tín dụng nhưng bên nhận thế chấp lại là A chi nhánh K, Đắk Lắk, ngoài ra A H chưa lập hợp đồng thế chấp tài sản, chưa đăng ký tài sản bảo đảm. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý tài sản bảo đảm. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A và Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **400.000.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221-LAV-201202028 ngày 18/12/2012, cho vay số tiền 240.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là 01 quyền sử dụng đất số 4001070755 do UBND Tp. B cấp ngày 31/12/2003, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký lãnh đạo phòng tín dụng, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, khách hàng đã trả được một phần nợ gốc số tiền 20.000.000 đồng. Tính đến nay, khoản vay còn dư nợ số tiền 220.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay được A H ghi nhận trong hồ sơ tín dụng nhưng bên nhận thế chấp lại là A chi nhánh K, Đắk Lắk, ngoài ra A H chưa lập hợp đồng thế chấp tài sản, chưa đăng ký tài sản bảo đảm. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý tài sản bảo đảm. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A và Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **220.000.000 đồng**.

14. Khách hàng Bùi Văn C, trú tại Thôn 2, xã H, Tp. B

A H lập 02 hợp đồng tín dụng với khách hàng Bùi Văn C, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 5221-LAV-201200889 ngày 13/4/2012, cho vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là 01 quyền sử dụng đất số D0485743 do UBND Tp. B cấp ngày 28/11/1995, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm xử lý nợ, A H đã bán đấu giá quyền sử dụng đất số D0485743 và thu nợ số tiền 299.500.000 đồng. Tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 500.000 đồng, không còn tài sản bảo đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S và Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **500.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221-LAV-201201441 ngày 08/8/2012, cho vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là 01 quyền sử dụng đất số D0485743 do UBND Tp. B cấp ngày 28/11/1995 hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm xử lý nợ, A H đã bán đấu giá quyền sử dụng đất số D0485743 và thu nợ số tiền 499.500.000 đồng. Tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 500.000 đồng, không còn tài sản bảo đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S và Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **500.000 đồng**.

15. Khách hàng Bùi Thùy D, trú tại Thôn 2, xã H, Tp. B

Hợp đồng tín dụng số 5221-LAV-201201542 ngày 06/9/2012, cho vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay không có tài sản bảo đảm, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, A H đã thu nợ của khách hàng số tiền 99.500.000 đồng. Tính đến nay, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 500.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S và Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **500.000 đồng**.

16. Khách hàng Lại Q P, trú tại Thôn 6, xã Hòa A, huyện K

A H lập 02 hợp đồng tín dụng với khách hàng Lại Q P, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV 201301553 ngày 12/12/2013, cho vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là 01 quyền sử dụng đất số BI195401 do UBND huyện K cấp ngày 23/5/2012, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, khách hàng không có khả năng trả nợ nên đã thỏa thuận để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm, A H đã bán đấu giá tài sản và thu nợ được số tiền 299.500.000 đồng. Tính đến nay, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 500.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không

đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S và Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **500.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201400620 ngày 22/5/2014, cho vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là 01 quyền sử dụng đất số K262023 do UBND huyện K cấp ngày 10/11/1996, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ nên đã thỏa thuận để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm, A H đã bán đấu giá tài sản và thu nợ được số tiền 998.500.000 đồng. Tính đến nay, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 1.500.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S và Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **1.500.000 đồng**.

17. Khách hàng Lê L, trú tại phường Tự A, Tp. B. Có 04 hợp đồng tín dụng

A H lập 04 hợp đồng tín dụng với khách hàng Lê L, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV 200903132 ngày 17/12/2009, cho vay số tiền 330.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là 01 quyền sử dụng đất số BK900451 do UBND Tp. B cấp ngày 25/6/2012, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký lãnh đạo phòng tín dụng, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm, sau khi bán đấu giá tài sản bảo đảm A H thu được số tiền nợ gốc là 328.000.000 đồng. Tính đến nay, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 2.000.000 đồng, không còn tài sản bảo đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A và Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **2.000.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV 201300244 ngày 29/01/2013, cho vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là 01 quyền sử dụng đất số BK900525 do UBND Tp. B cấp ngày 06/6/2012, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, A H thu được số tiền nợ gốc là 1.499.000.000 đồng. Tính đến nay, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 1.000.000 đồng, thực tế hồ sơ tín dụng không có tài sản bảo đảm, nên không có căn cứ để xử

lý tài sản. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **1.000.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV 201301096 ngày 15/8/2013, cho vay số tiền 260.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là 01 quyền sử dụng đất số X831530 do UBND Tp. B cấp ngày 25/10/2004, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm, sau khi bán đấu giá tài sản bảo đảm A H thu được số tiền nợ gốc là 259.500.000 đồng. Tính đến nay, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 500.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **500.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV 201301090 ngày 12/8/2013, cho vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay tín chấp không có tài sản bảo đảm, hồ sơ tín dụng do Bùi Thị Như A phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, A H đã thu nợ được số tiền gốc là 11.964.000 đồng, sau đó khách hàng không có khả năng trả nợ. Tính đến nay, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 48.036.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Như vậy Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **48.036.000 đồng**.

18. Khách hàng Bùi Bảo T, trú tại Tp. B

A H lập 02 hợp đồng tín dụng với khách hàng Bùi Bảo T, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201000421 ngày 29/01/2010, cho vay số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là 01 quyền sử dụng đất số BA799244 do UBND huyện E cấp, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu được số tiền nợ gốc là 201.043.860 đồng. Tính đến nay, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 148.956.140 đồng, không còn tài sản bảo đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **148.956.140 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201101589 ngày 27/9/2011, cho vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AM 441639 do UBND huyện E cấp, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, A H đã thu nợ được số tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng. Tính đến nay, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 65.000.000 đồng. Mặc dù tài liệu trên hồ sơ tín dụng thể hiện có thể chấp 01 quyền sử dụng đất nhưng thực tế không có tài sản bảo đảm trong hồ sơ, vì vậy không có tài sản bảo đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **65.000.000 đồng**.

19. Khách hàng Nguyễn T, trú tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

A H lập 03 hợp đồng tín dụng với khách hàng Nguyễn T, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV-201101913 ngày 30/11/2011, cho vay số tiền 1.220.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AH 561986 do UBND huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 29/12/2006, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký lãnh đạo phòng tín dụng, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, A H đã thu nợ được số tiền gốc 500.000.000 đồng, sau đó khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm để xử lý nợ và thu được số tiền nợ gốc là 541.572.000 đồng Tổng số tiền nợ gốc mà A H đã thu hồi được là 1.041.572.000 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 178.428.000 đồng, không còn tài sản bảo đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A và Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **178.428.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV 201201935 ngày 10/12/2012, cho vay số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là

quyền sử dụng đất số AH 561986 do UBND huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 29/12/2006, hồ sơ tín dụng không có báo cáo thẩm định nên không xác định trách nhiệm của người thực hiện tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, thực hiện thủ tục bảo đảm tiền vay, kiểm soát khoản vay, Trần Đình T là người ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng, tính đến nay, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 80.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm đã được bán đấu giá để thu nợ cho Hợp đồng tín dụng số 5221LAV-201101913 ngày 30/11/2011 nên không còn tài sản bảo đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **80.000.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV 201300744 ngày 21/5/2013, cho vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AH 561986, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký lãnh đạo phòng tín dụng, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng, tính đến nay, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 500.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm đã được bán đấu giá để thu nợ cho Hợp đồng tín dụng số 5221LAV-201101913 ngày 30/11/2011 nên không còn tài sản bảo đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A và Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **500.000.000 đồng**.

20. Khách hàng Đặng Thị N, trú tại xã H, huyện K

A H lập 02 hợp đồng tín dụng với khách hàng Đặng Thị N, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV 201101911 ngày 30/11/2011, cho vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BD 481374 do UBND huyện K cấp ngày 15/3/2011, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký lãnh đạo phòng tín dụng, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, A H đã thu nợ được số tiền 500.000.000 đồng, sau đó khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 500.000.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A và Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **500.000.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV 201300745 ngày 21/5/2013, cho vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BD 481374 do UBND huyện K cấp ngày 15/3/2011, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký lãnh đạo phòng tín dụng, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng, tính đến nay, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 500.000.000 đồng. Khoản vay còn tài sản bảo đảm là QSDĐ số BD481374, tuy nhiên tại Kết luận định giá tài sản số 263b ngày 05/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K xác định giá trị của QSDĐ số BD481374 tại thời điểm năm 2021 là 126.525.000 đồng, vì vậy giá trị tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A và Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả sau khi trừ đi giá trị tài sản thế chấp còn thiệt hại số tiền gốc là **373.475.000 đồng** = (500.000.000 đồng – 126.525.000 đồng).

21. Khách hàng Bùi Thị Ái Q, trú tại Tp. B

Ngày 17/7/2014, A H lập hợp đồng tín dụng số 5221LAV201400793 cho khách hàng Bùi Thị Ái Quyết vay số tiền 950.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BT 864716 do UBND Tp. B cấp ngày 15/7/2014. Hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H đã thu nợ gốc số tiền 702.976.925 đồng. tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 247.023.785 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm các quy định về điều kiện vay vốn tại Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt số tiền gốc là **247.023.785 đồng**.

22. Khách hàng Đinh Lệ Giang T, trú tại Khối 1, phường Tự A, Tp. B

A H lập 04 hợp đồng tín dụng với khách hàng Đinh Lệ Giang T, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201300010 ngày 03/01/2013, cho vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay tín chấp không có tài sản

bảo đảm, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, A H đã thu nợ được số tiền 5.000.000 đồng, sau đó khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 195.000.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **195.000.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201301224 ngày 20/9/2013, cho vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BA 799244 do UBND huyện E cấp ngày 26/01/2010, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu được số tiền nợ gốc là 33.177.580 đồng. Tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 66.822.420 đồng, không còn tài sản bảo đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **66.822.420 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201400853 ngày 08/8/2014, cho vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BT 864534 do UBND Tp. B cấp ngày 01/8/2014, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu được số tiền nợ gốc là 275.011.000 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 124.989.000 đồng, không còn tài sản bảo đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **124.989.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201500274 ngày 25/3/2015, cho vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền

sử dụng đất số BP 109894 do UBND huyện E cấp ngày 27/11/2013, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu được số tiền nợ gốc là 399.500.000 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 500.000 đồng, không còn tài sản bảo đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **500.000 đồng**.

23. Khách hàng Nguyễn Thị Đ, trú tại Thôn 1, xã H, huyện K

Ngày 29/10/2013, A H lập hợp đồng tín dụng số 5221-LAV-201301317 cho khách hàng Nguyễn Thị Đ vay số tiền 260.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số P017531 do UBND huyện K cấp ngày 18/8/2000. Hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 260.000.000 đồng. Khoản vay còn tài sản bảo đảm chưa xử lý, tuy nhiên tại kết luận định giá tài sản số 18 ngày 21/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K xác định giá trị của quyền sử dụng đất số P017531 tại thời điểm năm 2021 là 235.044.753 đồng, vì vậy giá trị tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk thì khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm các quy định về điều kiện vay vốn tại Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S và Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm còn thiệt hại số tiền gốc là **24.955.247 đồng** = (260.000.000 đồng – 235.044.753 đồng).

24. Khách hàng Nguyễn Minh H, trú tại Xã H, huyện K

Ngày 30/3/2011, A H lập hợp đồng tín dụng số 5221-LAV-201301610 cho khách hàng Nguyễn Minh H vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số W858050 do UBND huyện K cấp ngày 17/12/2002. Hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 250.000.000 đồng. Khoản vay còn tài sản bảo đảm chưa xử lý, tuy nhiên tại kết luận định giá tài sản số 18 ngày 21/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K xác định giá trị quyền sử dụng đất số W858050

tại thời điểm năm 2021 là 91.418.647 đồng, vì vậy giá trị tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm các quy định về điều kiện vay vốn tại Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S và Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả sau khi trừ giá trị tài sản bảo đảm còn thiệt hại số tiền gốc là **158.581.353 đồng** = (250.000.000 đồng – 91.418.647 đồng).

25. Khách hàng Trần Thị Việt Đ, trú tại Thôn 1, xã H, huyện K

Ngày 11/12/2013, A H lập hợp đồng tín dụng số 5221-LAV-201301558 cho khách hàng Trần Thị Việt Đ vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số P017508 do UBND huyện K cấp ngày 18/8/2000. Hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 400.000.000 đồng. Khoản vay còn tài sản bảo đảm chưa xử lý, tuy nhiên tại kết luận định giá tài sản số 18 ngày 21/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K xác định giá trị quyền sử dụng đất số P017508 tại thời điểm năm 2021 là 371.319.868 đồng, vì vậy giá trị tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm các quy định về điều kiện vay vốn tại Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S và Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả sau khi trừ giá trị tài sản bảo đảm còn thiệt hại số tiền gốc là **28.680.132 đồng** = (400.000.000 đồng – 371.319.868 đồng).

26. Khách hàng Bùi Thị Diệu L, trú tại Tp. B

A H lập 04 hợp đồng tín dụng với khách hàng Bùi Thị Diệu L, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201201565 ngày 11/9/2012, cho vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm, tuy nhiên sau khi cho vay đến ngày 31/7/2014 mới lập hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AH 910515 do UBND Tp. B cấp ngày 02/3/2007 và quyền sử dụng đất số BT 908246 do UBND Tp. B cấp ngày 17/7/2014, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản, A H đã thu được số tiền nợ gốc là 350.745.538 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 349.254.462 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk

đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **349.254.462 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201301061 ngày 05/8/2013, cho vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm, tuy nhiên sau khi cho vay đến ngày 31/7/2014 mới lập hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AH 910515 do UBND Tp. B cấp ngày 02/3/2007 và quyền sử dụng đất số BT 908246 do UBND Tp. B cấp ngày 17/7/2014, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản, A H đã thu được số tiền nợ gốc là 1.499.000.000 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 1.000.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **1.000.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201301198 ngày 13/9/2013, cho vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm, tuy nhiên sau khi cho vay đến ngày 31/7/2014 mới lập hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AH 910515 do UBND Tp. B cấp ngày 02/3/2007 và quyền sử dụng đất số BT 908246 do UBND Tp. B cấp ngày 17/7/2014, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản, A H đã thu được số tiền nợ gốc là 231.694.328 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 568.305.672 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **568.305.672 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201500369 ngày 20/4/2015, cho vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BT 908026 do UBND Tp. B cấp ngày 14/8/2014, hồ sơ tín dụng do

Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản, A H đã thu được số tiền nợ gốc là 757.900.000 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 42.100.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **42.100.000 đồng**.

27. Khách hàng Huỳnh Văn N, trú tại Tp. B

A H lập 04 hợp đồng tín dụng với khách hàng Huỳnh Văn N, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201201493 ngày 22/8/2012, cho vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm, tuy nhiên đến ngày 31/7/2014 mới lập hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BT 908244 do UBND Tp. B cấp ngày 17/7/2014 và quyền sử dụng đất số BT 908247 do UBND Tp. B cấp ngày 17/7/2014, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản, A H đã thu được số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 470.000.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **470.000.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201301062 ngày 05/8/2013, cho vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm, tuy nhiên đến ngày 31/7/2014 mới lập hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BT 908244 do UBND Tp. B cấp ngày 17/7/2014 và quyền sử dụng đất số BT 908247 do UBND Tp. B cấp ngày 17/7/2014, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản, A H đã thu được số tiền nợ gốc là 1.150.000.000 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 350.000.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm

quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **350.000.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201301195 ngày 13/9/2013, cho vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm, tuy nhiên đến ngày 31/7/2014 mới lập hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BT 908244 do UBND Tp. B cấp ngày 17/7/2014 và quyền sử dụng đất số BT 908247 do UBND Tp. B cấp ngày 17/7/2014, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản, A H đã thu được số tiền nợ gốc là 163.467.308 đồng. Tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 836.532.692 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **836.532.692 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201500370 ngày 20/4/2015, cho vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BT908128 và số BT 908129 do UBND Tp. B cấp ngày 28/7/2014, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản, A H đã thu được số tiền nợ gốc là 510.205.517 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 198.794.483 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk thì khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **198.794.483 đồng**.

28. Khách hàng Trương Q T, sinh năm 1981, trú tại Tp. B

A H lập 05 hợp đồng tín dụng với khách hàng Trương Q T, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201300695 ngày 09/5/2013, cho vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BE 012525 do UBND Tp. B cấp ngày 08/6/2011, hồ sơ tín dụng do

Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu nợ được số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng, tính đến nay, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 50.000.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk thì khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **50.000.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201301038 ngày 31/7/2013, cho vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số X933158 do UBND Tp. B cấp ngày 22/9/2003, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu nợ được số tiền nợ gốc là 378.500.000 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 21.500.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk thì khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **21.500.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201301066 ngày 05/8/2013, cho vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BE 012545 do UBND Tp. B cấp ngày 08/6/2011, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu nợ được số tiền nợ gốc là 1.456.000.000 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 44.000.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk thì khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **44.000.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201301199 ngày 13/9/2013, cho vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số X933158 do UBND Tp. B cấp ngày 22/9/2003, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu nợ được số tiền nợ gốc là 174.986.000 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 255.014.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk thì khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **255.014.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201400623 ngày 23/5/2014, cho vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BE 012525 do UBND Tp. B cấp ngày 08/6/2011, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu nợ được số tiền nợ gốc là 156.781.060 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 843.218.940 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk thì khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **843.218.940 đồng**.

29. Khách hàng Mai Thị Quỳnh T, trú tại Tổ dân phố 1, phường T, Tp. B

A H lập 03 hợp đồng tín dụng với khách hàng Mai Thị Quỳnh T, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201301058 ngày 05/8/2013, cho vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BB 645870 do UBND Tp. B cấp ngày 24/9/2010, hồ sơ tín dụng do Bùi Thị Như A lập, ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu nợ được số tiền gốc là 1.142.805.000 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 357.195.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **357.195.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201301197 ngày 13/9/2013, cho vay số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BB 645870 do UBND Tp. B cấp ngày 24/9/2010, hồ sơ tín dụng do Bùi Thị Như A lập, ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 900.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay đã được bán đấu giá và thu nợ cho Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201301058 ngày 05/8/2013. Vì vậy, không còn tài sản bảo đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **900.000.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201400746 ngày 24/6/2014, cho vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AO 762673 do UBND Tp. B cấp ngày 09/02/2009, hồ sơ tín dụng do Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu nợ được số tiền gốc là 868.172.410 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 631.827.590 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **631.827.590 đồng**.

30. Khách hàng Trương Văn N, trú tại tỉnh Đắk Lắk

Ngày 20/4/2015, A H lập hợp đồng tín dụng số 5221LAV201500371 cho khách hàng Trương Văn N vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BB 815917 do UBND Tp. B cấp ngày 12/7/2010, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu nợ được số tiền gốc là 952.844.000 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 547.156.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm các quy định về điều kiện vay vốn tại Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S và Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **547.156.000 đồng**.

31. Khách hàng Trương Thị Mỹ P, trú tại Tp. B

A H lập 02 hợp đồng tín dụng với khách hàng Trương Thị Mỹ P, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201400777 ngày 09/7/2014, cho vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BE 012545 do UBND Tp. B cấp ngày 08/6/2011, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu nợ được số tiền gốc là 145.322.000 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 254.678.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **254.678.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201500372 ngày 20/4/2015, cho vay số tiền 1.600.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BT 908028 do UBND Tp. B cấp ngày 14/8/2014, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu nợ được số tiền gốc là 621.173.000 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 978.827.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **978.827.000 đồng**.

32. Khách hàng Đặng Đ H, trú tại Tổ dân phố 1, phường T, Tp. B.

Ngày 16/4/2015, A H lập hợp đồng tín dụng số 5221LAV201500361 cho khách hàng Đặng Đ H vay số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AM 441639 do UBND cấp ngày 14/5/2008, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá

tài sản bảo đảm xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu nợ được số tiền gốc là 797.249.090 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 402.750.910 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm các quy định về điều kiện vay vốn tại Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S và Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **402.750.910 đồng**.

33. Khách hàng Đinh Thị Mai H, trú tại Thôn 8, xã H, Tp. B

Ngày 24/4/2015, A H lập hợp đồng tín dụng số 5221LAV201500394 cho khách hàng Đinh Thị Mai H vay số tiền 650.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số BT 864535 do UBND Tp. B cấp ngày 01/8/2014, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Trần Đình T ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu nợ được số tiền gốc là 291.156.176 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 335.843.824 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm các quy định về điều kiện vay vốn tại Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S và Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **335.843.824 đồng**.

34. Khách hàng Nguyễn Q H, trú tại Thôn 3, xã H, Tp. B

A H lập 03 hợp đồng tín dụng với khách hàng Nguyễn Q H, gồm:

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201300885 ngày 22/3/2013, cho vay số tiền 2.200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AL 471638 do UBND Tp. B cấp ngày 06/12/2007, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu nợ được số tiền gốc là 1.796.000.000 đồng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 404.000.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **404.000.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201300474 ngày 22/3/2013, cho vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AL 471638 do UBND Tp. B cấp ngày 06/12/2007, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng, tính đến nay khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 500.000.000 đồng, tài sản bảo đảm cho khoản vay đã được bán đấu giá để thu nợ cho Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201300885 ngày 22/3/2013 nên không còn tài sản bảo đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **500.000.000 đồng**.

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201301015 ngày 23/7/2013, cho vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay thể hiện trên hệ thống IPCas, không có hồ sơ, không có tài sản bảo đảm, trên hệ thống IPCas thể hiện hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và thẩm định, Trần Đình T phê duyệt, quyết định cho vay. Sau khi cho vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng, tính đến nay, A Hòa đã thu hồi được số tiền nợ gốc là 378.729.482 đồng, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 321.270.518 đồng, không có tài sản bảo đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Trần Đình T đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **321.270.518 đồng**.

35. Khách hàng Bùi Thị Tuyết, trú tại số 66/01 H Vương, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

Ngày 29/7/2014, A H lập hợp đồng tín dụng số 5221LAV201400832 cho khách hàng Bùi Thị Tuyết vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số X831616 do UBND Tp. B cấp ngày 20/10/2004, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập và ký báo cáo thẩm định, Nguyễn Văn T ký mục lãnh đạo phòng tín dụng, Bùi Thị Như A ký phê duyệt cho vay. Sau khi vay, khách hàng không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã thỏa thuận giao tài sản để A H bán đấu giá tài sản bảo đảm xử lý nợ, sau khi bán đấu giá tài sản A H thu nợ được số tiền gốc là 384.426.000 đồng. Tính đến nay, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 215.574.000 đồng, không còn tài sản bảo

đảm để xử lý. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm các quy định về điều kiện vay vốn tại Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn T và Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền gốc là **215.574.000 đồng**.

36. Khách hàng Lương Thị L, trú tại số 118 Nguyễn Đ Cảnh, Tp. B

Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201101434 ngày 09/8/2011, cho vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, khoản vay có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AG 731287 do UBND Tp. B cấp ngày 07/11/2006 và quyền sử dụng đất số K461969 do UBND huyện B cấp ngày 20/6/1997, hồ sơ tín dụng do Nguyễn Trường S lập, ký báo cáo thẩm định và ký mục lãnh đạo phòng tín dụng, Bùi Thị Như A ký phê duyệt, quyết định cho vay, sau đó đưa cho Nguyễn Văn H ký bổ sung mục cán bộ tín dụng. Sau khi cho vay, khách hàng không có khả năng trả nợ. Tính đến nay, khoản vay còn dư nợ gốc số tiền 100.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay còn được bảo đảm cho 02 hợp đồng tín dụng khác là Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201001607 ngày 02/8/2010 và Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201202009 ngày 14/12/2012, các hợp đồng này đã được A H khởi kiện dân sự để giải quyết tại Tòa án và yêu cầu thi hành án đối với 02 quyền sử dụng đất AG 731287 và K461969, vì vậy không còn tài sản bảo đảm để xử lý cho Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201101434 ngày 09/8/2011. Tại Kết luận giám định số 830 ngày 01/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Lắk xác định khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, A H phê duyệt cho vay là vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế cho vay theo Quyết định số 1627 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Như vậy, các cán bộ của A H gồm Nguyễn Trường S, Bùi Thị Như A đã có hành vi vi phạm quy định pháp luật về điều kiện cấp tín dụng, gây hậu quả thiệt hại số tiền là **100.000.000 đồng**.

Như vậy, các bị cáo Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn T, Bùi Thị Như A, Trần Đình T đã thực hiện hành vi nâng không giá trị tài sản bảo đảm, vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện tín dụng tại **71** Hợp đồng tín dụng của **36** khách hàng, gây hậu quả thiệt hại tổng số tiền **18.927.196.884** đồng. Trong đó:

Nguyễn Trường S tham gia thực hiện hành vi vi phạm tại **67** hợp đồng tín dụng của 35 khách hàng gây hậu quả thiệt hại số tiền **16.654.391.294** đồng.

Bùi Thị Như A tham gia thực hiện hành vi vi phạm tại **64** hợp đồng tín dụng của 31 khách hàng, gây hậu quả thiệt hại số tiền **14.650.647.843** đồng.

Trần Đình T tham gia thực hiện hành vi vi phạm tại **23** hợp đồng tín dụng của 17 khách hàng, gây hậu quả thiệt hại số tiền **6.705.442.041** đồng.

Nguyễn Văn T tham gia thực hiện hành vi vi phạm tại **04** hợp đồng tín dụng của 03 khách hàng, gây hậu quả thiệt hại số tiền **715.575.000** đồng.

Đối với 18 hợp đồng tín dụng của 13 khách hàng gồm: Vũ Duy H (01 hợp đồng số 5221LAV201400757); Lương N H (01 hợp đồng số

5221LAV201101111); Đinh Thị H (02 hợp đồng số 5221LAV201001750 và 5221LAV201201639); Bùi Thị C (02 hợp đồng số 5221LAV201300436 và 5221LAV201301068); Vũ Tiến B (02 hợp đồng số 5221LAV201101531 và 5221LAV201200656); Trương Đ H (02 hợp đồng số 5221LAV201000359 và 5221LAV201301078); Lê Minh H (01 hợp đồng số 5221LAV201300788); Huỳnh Thị H (01 hợp đồng số 5221LAV201202006); Nguyễn Thị H (01 hợp đồng số 5221LAV201202005); Huỳnh Văn L (02 hợp đồng số 5221LAV201101431 và 5221LAV201200274); Nguyễn Thị N (01 hợp đồng số 5221LAV201301559); Đinh Lê Giang T (01 hợp đồng số 5221LAV201500064), Bùi Thùy D (01 hợp đồng số 5221LAV201400764) đến nay đã trả hết nợ gốc và lãi.

Đối với các hợp đồng tín dụng của 29 khách hàng gồm: Huỳnh Thị Mỹ N, Nguyễn N T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Mạnh H, Bùi Thị Minh T, Trần Đăng Minh H, Huỳnh Hoàng K (Hợp đồng số 5221LAV201400644), Y Hem B, H Ngom B, Tống N N, Huỳnh Phúc T, Huỳnh Thị Ánh N, Lê Văn H, Lương N Bá, Lê Thị G, Bùi Thị N, Nguyễn Thị H, Trịnh Thị Thanh T, Nguyễn Thị H, Lê Thị T, Nguyễn Thị Thanh H, Trương Hữu D, Bùi Văn Y, Trương Thị Mỹ P, Trương Công T, Nguyễn Xuân D, Vũ Thị M, Doanh nghiệp tư nhân thương mại D, Nguyễn Thị Thụy V. Các hợp đồng này đang còn tài sản bảo đảm và giá trị tài sản bảo đảm đã được Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị cao hơn khoản vay nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk không xử lý.

Đối với các hợp đồng tín dụng của các khách hàng gồm Trần Viết T, Nông Hữu D, Phan Thị Thu L, Trịnh Thị P L, Lê Văn H, Trần Viết M, Nguyễn Thị N Huỳnh Hoàng K (Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201101888 ngày 25/11/2011), Lương Thị L (Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201001607 ngày 02/8/2010 và số 5221LAV201202009 ngày 14/12/2012 đã được A H khởi kiện giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án nhân dân, Tòa án đã giải quyết bằng Bản án dân sự, Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự.

Đối với hợp đồng tín dụng của Công ty TNHH xây dựng Hoàng Đạo hiện đang được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2022/HSST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Tuyên bố: bị cáo Trần Đình T phạm tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”.

- Căn cứ khoản 4 Điều 206; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trần Đình T** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 28/8/2020 đến ngày 23/9/2021.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 323; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015:

[2.1]. Đối với các hợp đồng tín dụng của các khách hàng: Bùi Thị Thái B theo hợp đồng tín dụng số 5221LAV201301071 ngày 06/8/2013; Lại Q P: Hợp

đồng tín dụng số 5221LAV 201301553 ngày 12/12/2013; Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201400620 ngày 22/5/2014; Trần Thị Việt Đ, theo hợp đồng tín dụng số 5221-LAV-201301558 ngày 11/12/2013; Trương Văn N theo hợp đồng tín dụng số 5221LAV201500371 ngày 20/4/2015; Huỳnh Hoàng K theo Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201300772 ngày 24/5/2013; Nguyễn Thị Thanh T theo Hợp đồng tín dụng số 602/2012/HĐTC lập ngày 09/3/2012 và Hợp đồng tín dụng số LAV2014/HĐTD ngày 24/5/2013; Lê Nhật Q theo Hợp đồng tín dụng số 601/2012/HĐTD ngày 09/3/2012 và Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201300770 ngày 24/5/2013 (theo dõi trên hệ thống IPCas); Trịnh Đình T theo Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201000478 ngày 09/02/2010 và hợp đồng tín dụng số 2028/2012/HĐTD ngày 18/12/2012; Đặng Thị N theo Hợp đồng tín dụng số 5221LAV 201101911 ngày 30/11/2011 và Hợp đồng tín dụng số 5221LAV 201300745 ngày 21/5/2013; Nguyễn Thị Đ, theo hợp đồng tín dụng số 5221-LAV-201301317 ngày 29/10/2013; Nguyễn Minh H, theo hợp đồng tín dụng số 5221-LAV-201301610 ngày 30/3/2011 thì tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi Ngân hàng có yêu cầu.

[2.2]. Buộc các khách hàng sau phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Việt Nam – Chi nhánh H, tỉnh Đắk Lắk số tiền gốc và lãi tính đến ngày 20/6/2022, bao gồm:

- Buộc bà Bùi Thị N D phải trả số tiền gốc và lãi là 1.401.871.919 đồng, trong đó gốc là 100.000 đồng, lãi là 1.401.771.919 đồng.

- Buộc ông Phan T L phải trả số tiền gốc và lãi là 821.381.261 đồng, trong đó gốc là 114.792.000 đồng, lãi là 706.589.261 đồng.

- Buộc bị cáo Bùi Thị Như A phải trả (trong hợp đồng tín dụng đứng tên bà Đặng Thị Mỹ N) số tiền gốc và lãi là 3.733.232.877 đồng, trong đó gốc 1.500.000.000 đồng và lãi là 2.233.232.877 đồng.

Trường hợp bị cáo A không trả được nợ, thì xử lý tài sản bảo đảm là 02 quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA660248 do UBND huyện K cấp ngày 13/10/2010 đối với thửa đất số 134A, tờ bản đồ số 18 diện tích 730m² và Giấy chứng nhận số BA660271 do UBND huyện K cấp ngày 13/10/2010 đối với thửa đất số 133A, tờ bản đồ số 18 diện tích 300m² đều tọa lạc tại thôn 6, xã Hòa S, huyện K, mang tên hộ ông Vũ Tiến Bảy và bà Bùi Thị Cung để thu hồi nợ.

- Buộc ông Nguyễn T T phải trả số tiền gốc và lãi là 1.092.093.135 đồng, trong đó gốc là 164.950.500 đồng, lãi là 927.142.635 đồng.

- Buộc ông Đinh Bùi T H phải trả số tiền gốc và lãi là 278.811.987 đồng, trong đó gốc là 10.000.000 đồng, lãi là 268.811.987 đồng.

- Buộc ông Bùi Q T phải trả số tiền gốc và lãi là 2.133.455.508 đồng, trong đó gốc là 512.217.000 đồng, lãi là 1.621.238.518 đồng.

- Buộc bà Phạm Thị H phải trả số tiền gốc và lãi là 1.151.930.157 đồng, trong đó gốc là 255.242.000 đồng, lãi là 896.688.157 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Trọng H phải trả số tiền gốc và lãi là 386.171.507 đồng, trong đó gốc là 100.000.000 đồng, lãi là 286.171.507 đồng.
- Buộc ông Bùi Văn C phải trả số tiền gốc và lãi là 182.507.467 đồng, trong đó gốc là 1.000.000 đồng, lãi là 181.507.467 đồng.
- Buộc bà Bùi Thùy D phải trả số tiền gốc và lãi là 55.338.238 đồng, trong đó gốc là 500.000 đồng, lãi là 54.838.238 đồng.
- Buộc ông Lê L phải trả số tiền gốc và lãi là 1.119.399.018 đồng, trong đó gốc là 51.536.000 đồng, lãi là 1.067.863.018 đồng.
- Buộc ông Bùi Bảo T phải trả số tiền gốc và lãi là 755.135.798 đồng, trong đó gốc là 213.956.140 đồng, lãi là 541.179.658 đồng.
- Buộc ông Nguyễn T phải trả số tiền gốc và lãi là 2.407.833.472 đồng, trong đó gốc là 758.428.000 đồng, lãi là 1.649.405.472 đồng.
- Buộc bà Bùi Thị Ái Quyết phải trả số tiền gốc và lãi là 895.649.414 đồng, trong đó gốc là 247.023.785 đồng, lãi là 648.625.629 đồng.
- Buộc bà Đinh Lệ Giang T phải trả số tiền gốc và lãi là 1.418.736.215 đồng, trong đó gốc là 387.311.420 đồng, lãi là 1.031.424.795 đồng.
- Buộc bà Bùi Thị Diệu L phải trả số tiền gốc và lãi là 3.518.364.080 đồng, trong đó gốc là 960.660.134 đồng, lãi là 2.126.187.203 đồng.
- Buộc ông Huỳnh Văn N phải trả số tiền gốc và lãi là 5.046.079.242 đồng, trong đó gốc là 1.855.327.175 đồng, lãi là 3.190.752.067 đồng.
- Buộc ông Trương Q T phải trả số tiền gốc và lãi là 4.037.144.611 đồng, trong đó gốc là 1.183.732.940 đồng, lãi là 2.853.411.671 đồng.
- Buộc bà Mai Thị Quỳnh T phải trả số tiền gốc và lãi là 5.005.722.897 đồng, trong đó gốc là 1.889.022.590 đồng, lãi là 3.116.700.307 đồng.
- Buộc bà Trương Thị Mỹ P phải trả số tiền gốc và lãi là 3.070.085.690 đồng, trong đó gốc là 1.233.505.000 đồng, lãi là 1.836.580.690 đồng.
- Buộc bị cáo Bùi Thị Như A phải trả (trong hợp đồng tín dụng đứng tên ông Đặng Đ H) số tiền gốc và lãi là 926.170.282 đồng, trong đó gốc 402.750.910 đồng, lãi là 523.419.372 đồng.
- Buộc bà Đinh Thị Mai H phải trả số tiền gốc và lãi là 645.417.670 đồng, trong đó gốc là 335.843.824 đồng, lãi là 309.573.846 đồng.
- Ông Nguyễn Q H phải trả số tiền gốc và lãi là 4.018.976.901 đồng, trong đó gốc 404.000.000 đồng, lãi là 2.793.706.383 đồng.
- Buộc bà Bùi Thị Tuyết phải trả số tiền gốc và lãi là 577.816.685 đồng, trong đó gốc là 215.574.000 đồng, lãi là 362.242.685 đồng.
- Buộc bà Lương Thị L phải trả số tiền gốc và lãi là 470.731.051 đồng, trong đó gốc là 100.000.000 đồng, lãi là 370.731.051 đồng.

Tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 21/6/2022 đến khi các khách hàng thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Giao cho Ngân hàng A - Chi nhánh H xử lý số tiền 20.000.000 đồng bị cáo Bùi Thị Như A đã nộp và 50.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Trường S đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Ngân hàng A - Chi nhánh H để thu hồi nợ.

Đề nghị A H xóa nợ xấu cho bà Đặng Thị Mỹ N trong hệ thống các Ngân hàng, nếu không có khoản nợ xấu nào khác.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 30/6/2022, bị cáo Trần Đình T kháng cáo chuyển tội danh vì hành vi của Bị cáo là lỗi vô ý, nên hành vi của Bị cáo không thỏa mãn quy định tại Điều 206 Bộ luật hình sự năm 2015; Hội đồng xét xử không khách quan đối với Bị cáo, vì Bị cáo gây thiệt hại ít hơn, khắc phục hậu quả nhiều hơn nhưng hình phạt lại bằng hoặc cao hơn các bị cáo khác; Tòa án sơ thẩm áp dụng pháp luật không đúng vì thời điểm xảy ra vụ án là thời điểm của Bộ luật hình sự năm 1999, theo đó khung hình phạt cao nhất của Điều luật đối với tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của tổ chức tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 179 Bộ luật hình sự năm 1999 là 10 năm đến 20 năm; trong khi đó theo quy định tại khoản 4 Điều 206 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng” có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm là không có lợi cho người phạm tội; Bị cáo sức khỏe kém, mắt không còn nhìn rõ, bị bệnh tiểu đường nên đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo hoặc chuyển tội danh từ khoản 3 Điều 179 BLHS năm 1999 sang tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, giảm nhẹ hình phạt và cho Bị cáo được hưởng án treo;

Ngày 05/7/2022, nguyên đơn dân sự - Ngân hàng A kháng cáo phân trách nhiệm dân sự đề nghị xác định trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ cho A Chi nhánh H, Đắc Lắc đối với các khoản nợ của các khách hàng tại mục 4.1 và 4.2 của Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2022/HS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc như sau:

4.1. Đối với các hợp đồng tín dụng của các khách hàng: Bùi Thị Thái B 01 khoản vay; Lại Q P 04 khoản vay; Trần Thị Việt Đ 01 khoản vay và Trương Văn N 01 khoản vay.

4.2. Khách hàng Nguyễn Thị Thanh T có 02 khoản vay: Hợp đồng tín dụng số 602/2012/HĐTC lập ngày 09/3/2012; Hợp đồng tín dụng số LAV2014/HĐTD lập ngày 24/5/2013.

Khách hàng Huỳnh Hoàng K có 01 khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201300772 ngày 24/5/2013.

Khách hàng Lê Nhật Q có 02 khoản vay: Hợp đồng tín dụng số 601/2012/HĐTD ngày 09/3/2012; Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201300770 ngày 24/5/2013.

Khách hàng Trịnh Đình T có 02 khoản vay: Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201000478 ngày 09/02/2010; Hợp đồng tín dụng số 2028/2012/HĐTD ngày 18/12/2012.

Khách hàng Đặng Thị N có 02 khoản vay: Hợp đồng tín dụng số 5221LAV 201101911 ngày 30/11/2011; Hợp đồng tín dụng số 5221LAV 201300745 ngày 21/5/2013.

Khách hàng Nguyễn Thị Đ có 01 khoản vay: Hợp đồng tín dụng số 5221-LAV-201301317 ngày 29/10/2013.

Khách hàng Nguyễn Minh H có 01 khoản vay: Hợp đồng tín dụng số 5221-LAV-201301610 ngày 30/3/2011.

Xem xét khoản vay của DNTN TM Dũng Hoài tại Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201200874 ngày 12/4/2012, số tiền 2.500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Trần Đình T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Đình T đề nghị: Hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vì: Ngoài các nội dung bị cáo kháng cáo thì 23 bộ hồ sơ nâng không giá trị tài sản bị cáo T không biết, không thuộc trách nhiệm của bị cáo, hồ sơ sơ suất do thiếu kiểm tra là lỗi vô ý; Bị cáo có nhiều thành tích trong công tác nhưng chưa được điều tra, xem xét.

Nguyên đơn dân sự - Ngân hàng A vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đình T vì các nội dung mà Bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu ra đã được xem xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn dân sự - Ngân hàng A. Giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Trần Đình T và phân trách nhiệm dân sự đối với Nguyên đơn dân sự - Ngân hàng A tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2022/HS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi nghe: những người kháng cáo trình bày nội dung và căn cứ kháng cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án; Lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm và lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thì có cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ năm 2011 đến tháng 4/2015, các bị cáo Trần Đình T, Bùi Thị Như A, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn T đã lập **71** Hợp đồng tín dụng của **36** khách hàng, vi phạm các quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; vi phạm quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thực hiện quy trình tiếp nhận hồ sơ; thẩm định, xét duyệt cho vay; phê duyệt, quyết định cho vay; kiểm tra, giám sát vốn vay và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi bổ sung Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, gây thiệt hại cho A H số tiền **18.927.196.884** đồng. Trong đó:

- Nguyễn Trường S tham gia thực hiện hành vi vi phạm tại **67** hợp đồng tín dụng của 35 khách hàng gây hậu quả thiệt hại số tiền **16.654.391.294** đồng.

- Bùi Thị Như A tham gia thực hiện hành vi vi phạm tại **64** hợp đồng tín dụng của 31 khách hàng, gây hậu quả thiệt hại số tiền **14.650.647.843** đồng.

- Trần Đình T tham gia thực hiện hành vi vi phạm tại **23** hợp đồng tín dụng của 17 khách hàng, gây hậu quả thiệt hại số tiền **6.705.442.041** đồng.

- Nguyễn Văn T tham gia thực hiện hành vi vi phạm tại **04** hợp đồng tín dụng của 03 khách hàng, gây hậu quả thiệt hại số tiền **715.575.000** đồng.

Với hành vi và hậu quả như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2022/HS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên bố bị cáo Trần Đình T và 03 bị cáo khác phạm tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 206 Bộ luật hình sự năm 2015.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Trần Đình T về tội danh; áp dụng khoản 3 Điều 179 Bộ luật hình sự năm 1999 về tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của tổ chức tín dụng” hay khoản 4 Điều 206 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng” thì thấy: Bị cáo Trần Đình T đã có hành vi trực tiếp vào việc vi phạm điều kiện cấp tín dụng, nâng khống giá trị tài sản bảo đảm để cấp tín dụng của 23 Hợp đồng tín dụng gây thiệt hại số tiền 6.705.442.041 đồng nên bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng” là đúng với hành vi phạm tội của Bị cáo. Hành vi phạm tội của Bị cáo xảy ra trước ngày 01/7/2016, theo quy định tại khoản 3 Điều 179 Bộ luật hình sự năm 1999 và Khoản 4 Điều 206 Bộ luật hình sự năm 2015 đều có hình phạt cao nhất là 20 năm tù, nhưng khoản 1 Điều 206 Bộ luật hình sự năm 2015 có hình phạt nhẹ hơn khoản 1 Điều 179 nên Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 206 Bộ luật hình sự năm 2015 là có lợi cho Người phạm tội được quy định trong Bộ luật hình sự. Kháng cáo của Bị cáo về chuyển tội danh sang tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, và áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 về hình phạt là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo của Bị cáo Trần Đình T cho rằng: Bị cáo gây thiệt hại ít hơn, khắc phục hậu quả nhiều hơn nhưng hình phạt lại bằng hoặc cao hơn các bị cáo khác, xin giảm nhẹ hình phạt và cho Bị cáo được hưởng án treo thì thấy: Bản án sơ thẩm nhận định: “Bị cáo Trần Đình T gây hậu quả thiệt hại cho ngân hàng số tiền 6.705.442.041 đồng là ít hơn bị cáo A, S. Tuy nhiên, với vai trò là Giám đốc Ngân hàng là người đứng đầu có chức năng, nhiệm vụ là lãnh đạo điều hành mọi hoạt động kinh doanh của A H, nên trách nhiệm của bị cáo phải chịu là cao hơn so với vai trò các bị cáo còn lại”. Nhận định của Bản án sơ thẩm đối với hành vi phạm tội, hậu quả và trách nhiệm của Bị cáo trong vụ án là có căn cứ. Hành vi của bị cáo bị truy tố và xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 206 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội, vai trò, nhân

thân của bị cáo và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; án sơ thẩm cũng áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt Bị cáo 8 năm 06 tháng tù là mức án dưới khung của tội mà Bị cáo bị truy tố và xét xử và không cho Bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của Bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo nhưng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt mà bị cáo và Luật sư bào chữa cho Bị cáo nêu ra thì đã được Bản án sơ thẩm xem xét, áp dụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Bị cáo. Giữ nguyên hình phạt mà Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2022/HS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định đối với Bị cáo.

[4]. Xét kháng cáo của nguyên đơn dân sự - Ngân hàng A đề nghị xác định trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ cho A Chi nhánh H, Đắk Lắk đối với các khoản nợ của các khách hàng tại mục 4.1 và 4.2 của Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2022/HS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì thấy:

[4.1]. Đối với các hợp đồng tín dụng của các khách hàng: Bùi Thị Thái B; Lại Q P, Trần Thị Việt Đ, Trương Văn N do khách hàng đã thay đổi địa chỉ, không còn cư trú tại địa phương nên trong quá trình điều tra không thể lấy lời khai. Để đảm bảo thủ tục tố tụng và công tác thi hành án cũng như đảm bảo quyền lợi của các bên, Bản án sơ thẩm đã tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi Ngân hàng có yêu cầu là có căn cứ.

[4.2] Các hợp đồng tín dụng của các Khách hàng;

Nguyễn Thị Thanh T có 02 khoản vay: Hợp đồng tín dụng số 602/2012/HĐTC lập ngày 09/3/2012; Hợp đồng tín dụng số LAV2014/HĐTD lập ngày 24/5/2013.

Huỳnh Hoàng K có 01 khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201300772 ngày 24/5/2013.

Lê Nhật Q có 02 khoản vay: Hợp đồng tín dụng số 601/2012/HĐTD ngày 09/3/2012; Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201300770 ngày 24/5/2013.

Trịnh Đình T có 02 khoản vay: Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201000478 ngày 09/02/2010; Hợp đồng tín dụng số 2028/2012/HĐTD ngày 18/12/2012.

Đặng Thị N có 02 khoản vay: Hợp đồng tín dụng số 5221LAV 201101911 ngày 30/11/2011; Hợp đồng tín dụng số 5221LAV 201300745 ngày 21/5/2013.

Nguyễn Thị Đ có 01 khoản vay: Hợp đồng tín dụng số 5221-LAV-201301317 ngày 29/10/2013.

Nguyễn Minh H có 01 khoản vay: Hợp đồng tín dụng số 5221-LAV-201301610 ngày 30/3/2011.

Các hợp đồng tín dụng nêu trên, có tài sản đảm bảo nhưng hợp đồng thế chấp không tuân thủ các quy định pháp luật, hiện đang có tranh chấp về hợp đồng

thể chấp. Để đảm bảo về mặt tố tụng dân sự và công tác thi hành án cũng như đảm bảo quyền lợi của các bên nên Bản án sơ thẩm tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi Ngân hàng có yêu cầu là đúng quy định,

Đối với khoản vay của DNTN TM Dũng Hoài tại Hợp đồng tín dụng số 5221LAV201200874 ngày 12/4/2012, số tiền 2.500.000.000 đồng, Bản án sơ thẩm chưa xem xét nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[4.3]. Kháng cáo của nguyên đơn dân sự - Ngân hàng A đề nghị xác định trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ cho A Chi nhánh H, Đắc Lắc đối với các khoản nợ của các khách hàng tại mục 4.1 và 4.2 của Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2022/HS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc không có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trần Đình T nguyên đơn dân sự - Ngân hàng A phải chịu án phí hình sự, dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các Quyết định đối với các bị cáo: Bùi Thị Như A, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn T và các Quyết định về: Trách nhiệm dân sự, Án phí sơ thẩm, không có kháng cáo và không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật được thực hiện theo Quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2022/HS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đình T; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn dân sự: Ngân hàng A - Chi nhánh H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2022/HS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Áp dụng: khoản 4 Điều 206; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Xử phạt bị cáo Trần Đình T 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian từ ngày 28/8/2020 đến ngày 23/9/2021.

2. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Đình T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Ngân hàng A - Chi nhánh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định đối với các bị cáo: Bùi Thị Như A, Nguyễn Trường S, Nguyễn Văn T và các Quyết định về: Trách nhiệm dân sự, Án phí sơ thẩm, quy định về thi hành án được thực hiện theo Quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2022/HS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến